

Số: 528 /QĐ-ĐHDL

Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chi tiền miễn, giảm học phí bổ sung kỳ I năm học 2021-2022

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC

Căn cứ Quyết định số 4010/QĐ-BCT ngày 06/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Công thương về việc Quy định chức năng, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Điện lực;

Căn cứ Quyết định số 20/QĐ-HĐT ngày 01/10/2019 của Chủ tịch Hội đồng trường Trường Đại học Điện lực Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐHDL;

Căn cứ Quyết định số 39/QĐ-HĐT ngày 26/08/2020 của hội Đồng trường Trường Đại học Điện lực về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Điện lực;

Thực hiện Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021 về Quy định cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ biên bản số 626/BB-ĐHDL ngày 15/04/2022 của Hội đồng xét cấp tiền miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập học kỳ II năm học 2021-2022;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Công tác sinh viên,

QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1. Chi tiền miễn, giảm học phí bổ sung kỳ I năm học 2021-2022 cho 14 sinh viên (có danh sách kèm theo) với tổng số tiền là: 91.665.700 đồng (Bằng chữ: Chín một triệu, sáu trăm sáu mươi lăm nghìn, bảy trăm đồng).

Trong đó: - Giảm 50% học phí là: 05 sinh viên

- Giảm 70% học phí là: 03 sinh viên

- Miễn 100% học phí là: 06 sinh viên

Điều 2. Thời gian miễn, giảm học kỳ I năm học 2021-2022, tương ứng 5 tháng.

Điều 3. Các Trưởng phòng: CTSV, ĐT, KHTC và những sinh viên có tên trong danh sách ở điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- BGH (để biết);
- Như điều 3;
- Đăng Website;
- Lưu VT, CTSV, Hoang TT (03).

Q. HIỆU TRƯỞNG

Đinh Văn Châu

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC

DANH SÁCH SINH VIÊN MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ HỌC BỔ SUNG KỲ I NĂM HỌC 2021-2022

Theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021

Theo QĐ số 588.../QĐ-ĐHDL ngày 28...tháng 4... năm 2022

TT	Lớp	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Chế độ Miễn, giảm	Đối tượng	MGHP ngân sách cấp ND 81	Trường cấp bù	Tổng được nhận	Ký nhận
1	D16DCN&DD2	21810180355	Nguyễn Cao	Quân	17/03/2003	100%	Con thương binh	5,850,000	4,677,000	10,527,000	
2	D16HTTMDT	21810340620	Trần Thị Thảo	Phương	02/03/2003	100%	Con thương binh	5,850,000	5,766,000	11,616,000	
3	D16TDH&DKTBC N1	21810430385	Nguyễn Khắc	Khánh	10/03/2003	100%	Con thương binh	5,850,000	4,677,000	10,527,000	
4	D16TDHHTD3	21810170430	Lương Duy	Nam	22/04/2003	100%	Con thương binh	5,850,000	4,677,000	10,527,000	
5	D16QLDT&KH	21810220004	Lục Đức	Anh	18/03/2003	100%	SV là con mồ côi	5,850,000	0	5,850,000	
6	D15KTDT	20810000301	Đặng Quang	Linh	13/05/2002	100%	SV là con mồ côi	5,850,000	1,078,000	6,928,000	
7	D15DCN&DD2	20810160566	Vương Tiến	Hung	15/07/2002	70%	DT thiếu số sống ở vùng KTKK	4,095,000	1,090,600	5,185,600	
8	D16THDK&TDH2	21810440578	Trần Ngọc	An	10/07/2003	70%	DT thiếu số sống ở vùng KTKK	4,095,000	3,273,900	7,368,900	
9	D16QTDN1	21810710015	Ma Anh	Quân	01/07/2003	70%	DT thiếu số sống ở vùng KTKK	3,430,000	270,200	3,700,200	
10	D15QLDA&CTXD	20810630047	Tô Tiến	Tùng	20/12/2002	50%	CBCNV mắc bệnh NN	2,925,000	416,000	3,341,000	
11	D16CNPM2	21810310369	Nguyễn Minh	Tiến	20/09/2003	50%	Con cán bộ CNV BNN	2,925,000	2,883,000	5,808,000	
12	D16DIENLANH2	21819120125	Trần Công Hoàng	Lâm	07/08/2003	50%	Con cán bộ CNV BNN	2,925,000	0	2,925,000	

TT	Lớp	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Chế độ Miễn, giảm	Đối tượng	MGHP ngân sách cấp ND 81	Trường cấp bù	Tổng được nhận	Ký nhận
13	D16DT&KTMT1	21810510035	Tạ Tuấn	Tú	26/07/2003	50%	Con cán bộ CNV BNN	2,925,000	1,794,000	4,719,000	
14	D16TCDN1	21810820146	Nguyễn Thanh	Huyền	04/01/2003	50%	Con cán bộ CNV BNN	2,450,000	193,000	2,643,000	
Tổng cộng								60,870,000	30,795,700	91,665,700	

NGƯỜI LẬP

PHÒNG CTSV

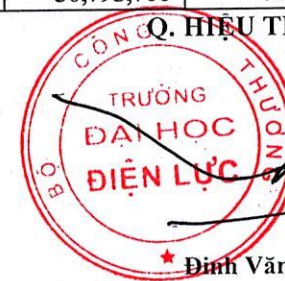
PHÒNG KHTC

Q. HIỆU TRƯỞNG

Trịnh Thị Hoàng

Nguyễn Đăng Toàn

Nguyễn Đàm Minh Thông



Đinh Văn Châu

